

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN Đ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 158/2019/HS-ST

Ngày: 08-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Triệu Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 169/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Anh N, sinh năm 1989; nơi sinh: Sơn La; nơi ĐKNKTT: Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số 18/71, đường Cô Bắc, thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Thành, con bà: Bùi Thị Tuyết; Gia đình có 02 anh em, lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 1989; vợ, con: chưa; tiền án: Bản án số 286/2006/HSST ngày 18/10/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 05 năm tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy”, Bản án số 318/2012/HSST ngày 06/06/2012 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 07 năm tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy”; tiền sự: không; nhân thân: ngày 17/02/2006 bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đ khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản”, do bị can bỏ trốn nên ngày 20/03/2006 Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã. Đến ngày 30/01/2013 Cơ quan điều tra Công an huyện Đ ra quyết định đình nã, Cơ quan điều tra tách ra để xử lý bằng một vụ án khác; Tại bản án số 66/2019/HSPT ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 03 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/03/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt

2. Lý Lâm Mạnh H, sinh năm 1987; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT: Tổ 13, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình

độ học vấn: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ, con bà: Lý Thị Phụng; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 22/07/2003 bị Ủy ban nhân dân huyện Đ ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản; Bản án số 20/2006/HSST ngày 29/12/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và Bản án số ngày 03/08/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp tài sản”; Bị cáo bị bắt ngày 01/04/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt

3. Nguyễn Thành L, sinh năm 1994; nơi sinh: Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và cư trú: Số 16, đường Tô Hiến Thành, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình Văn, con bà: Nguyễn Thị Thêm; gia đình có 04 chị em, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1995; vợ, con: chưa; Tiền án: Bản án số 103/2013/HSST ngày 24/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/03/2019, đến ngày 18/06/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Có mặt

*** Bị hại:**

1. Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1985

Trú tại: Số 23, Tô Hiến Thành, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

2. Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm 1972

Trú tại: Thôn An Hiệp, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

3. Bà Lương Thị Huyền T, sinh năm 1985

Trú tại: Ấp Trường Khánh, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

4. Bà Nguyễn Bé C, sinh năm 1981

Trú tại: Số 70, Sư Vạn Hạnh, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

5. Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1975

Trú tại: Trà Ranch 3, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt

6. Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1990

Trú tại: đường Trần Khánh Dư, phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

7. Ông Phạm Quốc H, sinh năm 2000

Trú tại: Số 41B, đường Vạn Kiếp, phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

8. Bà Hồ Thị Mỹ P, sinh năm 1971

Trú tại: Số nhà 88b, tổ dân phố 5b, thị trấn , huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Tạ Thị T, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Ông Phan Trọng V, sinh năm 1981

Trú tại: Số 78, Bế Văn Đàn, tổ 9, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1984

Trú tại: Khu dân cư Quảng Đức, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 11/12/2018, bị cáo Lê Anh N cùng với bị cáo Nguyễn Thành L đi bộ dọc đường Tô Hiến Thành, thị trấn L. Khi đến con hẻm gần cuối đường Tô Hiến Thành, thấy dãy phòng trọ còn sáng đèn nên bị cáo N nảy sinh ý định trộm cắp xe máy. Bị cáo N nói L chờ mình ở bên ngoài còn bị cáo N đi vào dãy phòng trọ nhằm tìm kiếm xe máy để lấy trộm (N không cho L biết mình đi lấy trộm xe máy). Bị cáo N vào dãy trọ, thấy một số phòng trọ còn sáng đèn, người trong các phòng đang xem đá bóng. N quan sát ở giữa hai dãy trọ có 04 chiếc xe máy. N tiến đến 01 chiếc xe máy HONDA Wave RSX biển số 36B2 – 104.70 của anh Trịnh Văn C đang dựng ở trước phòng trọ thứ 4 dãy bên trái nhìn từ ngoài vào, khuất tầm nhìn của những người trong dãy trọ và lấy vạm phá khóa tự chế trong túi áo ra bẻ khóa, quay xe, nổ máy và điều khiển chiếc xe máy biển số 36B2 – 104.70 ra khỏi dãy trọ. L đứng ngoài đường nhìn vào dãy trọ thấy N lấy trộm xe máy thì sợ hãi bỏ đi. N chạy xe máy được khoảng 30 mét thì gặp L đang đi bộ nên gọi L lên xe và chở đi tìm người bán xe. Do không bán được xe nên L nói với N: “Chiếc xe này bán cùng lắm chỉ được 2.000.000đ mà chưa chắc có người mua” và nói N bán cho L chiếc xe máy này với giá 2.000.000đ, N đồng ý và giao xe cho L, tuy nhiên L chưa trả tiền cho N. Sau đó, L chạy xe máy về nhà và tháo biển số, dán nhựa của xe vớt xuống sông Đa Nhim đoạn qua cầu Cao Thái, tiếp đó dùng dũa, đá mài mài số khung, số máy chiếc xe trên.

Tại Kết luận giám định số 227/GĐ – PC09 ngày 24/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định: chiếc xe máy mà Lê Anh N lấy trộm và bán cho Nguyễn Thành L có số khung, số máy trùng với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave biển số 36B2 – 104.70 của anh Trịnh Văn C. Tại Kết luận số 38/KL – HĐĐG ngày 11/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định chiếc xe máy HONDA Wave RSX biển số: 36B2 – 104.70 trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.565.000đ,

sau khi định giá đã trả lại cho anh Trịnh Văn C, anh C đã nhận lại tài sản đồng thời yêu cầu bồi thường số tiền sửa chữa xe là 9.000.000đ, hiện bị cáo N chưa bồi thường.

- **Vụ thứ hai:** Tới ngày 01/03/2019, bị cáo N đi bộ một mình đến uống nước tại quán cà phê Tình Khúc 2, Quốc lộ 20 thuộc thị trấn L, Đ. Khi ra về, bị cáo N thấy 01 chiếc xe máy Yamaha Sirius biển số 49E1 – 139.81 của anh Nguyễn Thanh X đang để trước quán cà phê Tình Khúc 2 không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. N dùng vạm phá khóa tự chế phá khóa và lấy trộm chiếc xe máy này. Sau đó N điện thoại và gặp anh họ là Lý Lâm Mạnh H trước quán máy bán cá Việt Đức ở thị trấn L, Đ để nhờ cầm cố chiếc xe máy vừa trộm cắp được. Huy mang chiếc xe máy đến cầm cố cho Nguyễn Duy L (tên thường gọi là L Cẩn) lấy số tiền 4.000.000đ. Huy mang tiền về đưa cho N 3.000.000đ (01 triệu đồng H giữ để sử dụng, không đưa cho N) và N cho lại H 500.000đ.

Tại Kết luận của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện Đ số 60/KL – HĐĐG ngày 02/04/2019 xác định chiếc xe máy YAMAHA Sirius biển số 49E1 – 139.81 có giá trị còn lại là 4.410.000đ, sau khi định giá đã trả cho anh Nguyễn Thanh X, anh X không yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm.

- **Vụ thứ ba:** Chiều ngày 03/3/2019, bị cáo N đi bộ qua dãy trọ số 52 Sư Vạn Hạnh, tổ 3, thị trấn L, Đ. N phát hiện 01 chiếc xe máy HONDA Vision biển số 94K1 – 407.09 của chị Lương Thị Huyền T (chiếc xe máy này T mượn của chị Nguyễn Bé C) đang để ở gần cuối dãy trọ không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. N dùng vạm phá khóa tự chế phá khóa và điều khiển chiếc xe máy ra khỏi dãy trọ đi về hướng huyện Di Linh. Lúc sau, Hoàng Anh L được người quen nhờ nên điện thoại cho N hỏi về chiếc xe máy biển số 94K1 – 407.09, N đồng ý cho chuộc xe với số tiền 3.000.000đ và chạy xe máy về nhà L. Khi N điều khiển xe máy đến nhà L, cùng lúc đó Công an thị trấn L đến làm việc nên N để lại chiếc xe máy và bỏ trốn.

Tại Kết luận của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đ số 56/KL – HĐĐG ngày 02/04/2019 xác định chiếc xe máy HONDA Vision biển số 94K1 – 407.09 có giá trị còn lại là 20.930.000đ, sau khi định giá đã trả cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Bé C. Chị Nguyễn Bé C không yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm.

- **Vụ thứ tư:** Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 06/3/2019, bị cáo N đi đến Quảng trường Lâm Viên, thành phố Đ nhìn thấy trước khu nhà bảo vệ của Công ty DOHA đang dựng 01 chiếc xe máy HONDA Blade biển số 85F1 – 256.00 của anh Nguyễn Ngọc N không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. N dùng vạm phá khóa lấy trộm chiếc xe máy và đưa về thị trấn L nhờ Lý Lâm Mạnh H mang đi bán. H mang chiếc xe máy đến bán cho Nguyễn Duy L nhưng L không mua. N mang chiếc xe máy này chạy về thành phố Hồ Chí Minh và nhờ người quen tên Đỗ Quốc H mang đi bán được 6.000.000đ. Số tiền này N cho Hiếu 500.000đ, còn lại N đã sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 201/KL – HĐĐG ngày 08/05/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe máy HONDA Blade biển số 85F1 – 256.00 có giá trị còn lại là 20.700.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy HONDA Blade biển số 85F1 – 256.00 Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ chưa xác định được Đỗ Quốc H bán cho ai nên chưa thu hồi được. Anh Nguyễn Ngọc N yêu cầu bồi thường dân sự với số tiền 20.000.000đ.

- **Vụ thứ năm:** Khoảng 14 giờ ngày 21/3/2019, Lê Anh N và Đỗ Quốc H rủ nhau đến chơi ở quán Internet Chip Chip ở đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 8, thành phố Đ. N nhìn thấy trong đường luồng của quán có 01 chiếc xe máy YAMAHA Jupiter biển số 49T2 – 5806 của anh Nguyễn Ngọc P không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. N dùng vạm phá khóa tự chế phá khóa xe sau đó điều khiển xe máy chở theo Hiếu bỏ trốn. N mang chiếc xe máy này về thị trấn L nhờ Lý Lâm Mạnh H mang đi bán nhưng Huy không bán được. Sau đó, N mang chiếc xe máy này về huyện Đ bán cho chị Tạ Thị T được 2.800.000đ. Số tiền này N đã sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 181/KL – HĐĐGTTHS ngày 02/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe máy YAMAHA Jupiter biển số 49T2 – 5806 mua vào thời điểm năm 2002, không còn cơ sở để định giá.

Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy YAMAHA Jupiter biển số 49T2 – 5806 Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ đã thu hồi và trả cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Ngọc P. Anh Nguyễn Ngọc P không yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm.

- **Vụ thứ sáu:** Khoảng 15 giờ ngày 21/3/2019, sau khi lấy trộm được chiếc xe máy YAMAHA Jupiter biển số 49T2 – 5806, Lê Anh N chở Đỗ Quốc H đến nhà trọ số 41B Vạn Kiếp, Phường 8, thành phố Đ và nhìn thấy trước nhà trọ đang dựng 01 chiếc xe máy YAMAHA Sirius biển số 60P2 – 7870 của anh Phạm Quốc H không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. N dùng vạm phá khóa và lấy trộm chiếc xe máy này. N và Hiếu mang chiếc xe máy này về thị trấn L nhờ Lý Lâm Mạnh H mang đi bán nhưng H không bán được. Sau đó, N nhờ một thanh niên tên thường gọi là Béc ở thị trấn L (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) mang đi cầm được 2.000.000đ. Số tiền này N đã sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 181/KL – HĐĐG ngày 02/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe máy YAMAHA Sirius biển số 60P2 – 7870 có giá trị còn lại là 4.560.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy YAMAHA Sirius biển số 60P2 – 7870 Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ chưa thu hồi được. Anh Phạm Quốc H yêu cầu bồi thường dân sự với số tiền 10.000.000đ.

- **Vụ thứ bảy:** Chiều ngày 25/03/2019, Lê Anh N đến ăn cơm tại quán cơm của gia đình bà Hồ Thị Mỹ P tại thị trấn Đ. N quan sát thấy trước quán cơm có dựng 01 chiếc xe máy HONDA Future biển số 49M1 – 000.97 của gia đình bà P nên nảy sinh ý định trộm cắp. N dùng vạm phá khóa tự chế phá khóa và điều khiển xe chạy về thị trấn L, Đ. Khi về đến thị trấn L, N đổi chiếc xe máy biển số 49M1 – 000.97 cho Phan Trọng V lấy 01 chiếc xe máy Sirius của V và 500.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 17/2018/KL – HĐĐG ngày 04/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ xác định chiếc xe máy HONDA Future biển số 49M1 – 000.97 có giá trị còn lại là 8.500.000đ, sau khi định giá đã trả lại cho bà Hồ Thị Mỹ P, Bà Hồ Thị Mỹ P không yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm.

Ngoài 07 vụ trộm cắp xe máy nói trên, Lê Anh N còn khai nhận đã thực hiện 01 vụ trộm cắp xe máy tại huyện N, Ninh Thuận và 03 vụ trộm cắp xe máy khác trên địa bàn thành phố Đ. Vụ trộm xe máy ở huyện N, Ninh Thuận, Lê Anh N đã bị Cơ quan điều tra Công an huyện N khởi tố và Tòa án nhân dân huyện N đưa ra xét xử ngày 09/7/2019. Đối với 03 vụ trộm cắp xe máy khác do Lê Anh N khai nhận đã thực hiện ở địa bàn thành phố Đ, do chưa xác định được bị hại và N không nhớ biển số xe, không nhớ đã bán xe cho ai, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ chưa thu hồi được các xe máy này nên chưa có căn cứ xử lý, vì vậy tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ các vật chứng sau:

+ 01 máy mài; 02 mũi vam phá khóa; 04 chìa khóa xe máy; 01 con dao tự chế kích thước khoảng 40cm; 01 cục đá mài; 02 tip đầu 8; 01 tip đầu 10; 02 đầu mối; 01 kìm; 05 khóa hình lục giác bằng kim loại; 03 cây dũa mài dài khoảng 20 cm; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen dạng phím bấm đã qua sử dụng. Đây là công cụ, phương tiện liên lạc Lê Anh N dùng khi thực hiện tội phạm, các vật chứng này hiện đã chuyển Chi cục THADS huyện Đ.

+ 01 CMND và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hải N không liên quan đến vụ án, Cơ quan CSĐT tách ra để xác minh xử lý sau.

Bị cáo Lê Anh N đã có 02 tiền án: ngày 18/10/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 05 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy; ngày 06/06/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, đây là tình tiết định khung hình phạt “tái phạm nguy hiểm”, đồng thời 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp “có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lý Lâm Mạnh H 04 lần thực hiện hành vi mang xe do Lê Anh N trộm cắp được đem bán, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thành L đã có 01 tiền án: Ngày 24/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 03 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự: Tái phạm.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Tại bản cáo trạng số 137/CT - VKS ngày 23 tháng 10 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đ để xét xử các bị cáo: Lê Anh N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, c, g

khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lý Lâm Mạnh H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Thành L về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại Pên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Anh N từ 4 đến 5 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lý Lâm Mạnh H từ 1 đến 2 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 12 đến 18 tháng tù.

Tại Pên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của các bị hại: Đồng ý với bản luận tội và mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị, yêu cầu các bị cáo sớm bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hoạt động điều tra, truy tố của điều tra viên, kiểm sát viên thì thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng. Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng thời gian từ đầu tháng 11/2018 đến khoảng cuối tháng 3/2019 bị cáo Lê Anh N đã 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 7 chiếc xe gắn máy, bị cáo Lý Lâm Mạnh H là đồng phạm với vai trò giúp sức đã 04 lần được Lê Anh N đưa tài sản đem đi bán và bị cáo Nguyễn Thành L thực hiện “*tiêu thụ tài sản 01 chiếc xe gắn máy do Lê Anh N trộm cắp được mà có*” cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 19 giờ ngày 11/12/2018, bị cáo N trộm chiếc xe máy HONDA Wave RSX biển số 36B2 – 104.70 của anh Trịnh Văn C sau đó bán lại cho bị cáo L với giá 2.000.000đ, bị cáo L biết rõ chiếc xe do bị cáo N trộm cắp mà có. Tại Kết luận số 38/KL-HĐĐG ngày 11/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ xác định chiếc xe máy

HONDA Wave RSX biển số: 36B2 – 104.70 trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.565.000đ.

Vụ thứ hai: Tối ngày 01/03/2019, bị cáo N trộm chiếc xe máy Yamaha Sirius BS 49E1 – 139.81 của anh Nguyễn Thanh X sau đó nhờ bị cáo Lý Lâm Mạnh H cầm cố chiếc xe máy cho anh Nguyễn Duy L lấy số tiền 4.000.000đ. Huy mang tiền về đưa cho N 3.000.000đ, (01 triệu đồng Huy giữ để sử dụng, không đưa cho N) và N cho lại H 500 nghìn đồng. Tại Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ số 60/KL – HĐĐG ngày 02/04/2019 xác định chiếc xe máy YAMAHA Sirius biển số 49E1 – 139.81 có giá trị còn lại là 4.410.000đ.

Vụ thứ ba: Chiều ngày 03/03/2019, bị cáo N trộm chiếc xe máy HONDA Vision biển số 94K1 – 407.09 của chị Lương Thị Huyền T (chiếc xe máy này T mượn của chị Nguyễn Thị Bé C). Tại Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ số 56/KL–HĐĐG ngày 02/04/2019 xác định chiếc xe máy HONDA Vision biển số 94K1 – 407.09 có giá trị còn lại là 20.930.000đ.

Vụ thứ tư: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 06/03/2019, bị cáo N trộm chiếc xe máy HONDA Blade biển số 85F1 – 256.00 của anh Nguyễn Ngọc N sau đó nhờ bị cáo Lý Lâm Mạnh H mang đi bán nhưng không bán được. Sau đó N chạy xe về thành phố Hồ Chí Minh nhờ Đỗ Quốc H bán được 6.000.000đ. Tại Kết luận định giá tài sản số 201/KL – HĐĐGTTHS ngày 08/05/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe máy HONDA Blade biển số 85F1 – 256.00 có giá trị còn lại là 20.700.000đ.

Vụ thứ năm: Khoảng 14 giờ ngày 21/03/2019, bị cáo N và đối tượng tên Đỗ Quốc H cùng trộm chiếc xe máy YAMAHA Jupiter biển số 49T2 – 5806 của anh Nguyễn Ngọc P. Sau đó bị cáo N nhờ bị cáo Lý Lâm Mạnh H mang đi bán nhưng Huy không bán được. Sau đó, N mang chiếc xe máy này về huyện Đ bán cho chị Tạ Thị Th được 2.800.000đ. Tại Kết luận định giá tài sản số 181/KL – HĐĐGTTHS ngày 02/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe máy YAMAHA Jupiter biển số 49T2 – 5806 mua vào thời điểm năm 2002, không còn cơ sở để định giá.

Vụ thứ sáu: Khoảng 15 giờ ngày 21/03/2019, sau khi lấy trộm được chiếc xe máy YAMAHA Jupiter biển số 49T2 – 5806, bị cáo N cùng Đỗ Quốc H trộm chiếc xe máy YAMAHA Sirius biển số 60P2 – 7870 của anh Phạm Quốc H sau đó nhờ bị cáo Lý Lâm Mạnh H mang đi bán nhưng Huy không bán được. Sau đó, N nhờ một thanh niên tên thường gọi là Béc ở thị trấn L (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) mang đi cầm được 2.000.000đ. Số tiền này N đã sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân. Tại Kết luận định giá tài sản số 181/KL–HĐĐG ngày 02/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe máy YAMAHA Sirius biển số 60P2 – 7870 có giá trị còn lại là 4.560.000đ.

Vụ thứ bảy: Chiều ngày 25/03/2019, bị cáo N trộm chiếc xe máy HONDA Future biển số 49M1 – 000.97 của gia đình bà P sau đó chạy về thị trấn L, Đ đổi chiếc xe máy biển số 49M1 – 000.97 cho Phan Trọng Vũ lấy 01 chiếc xe máy Sirius của V và 500.000đ. Tại Kết luận định giá tài sản số 17/2018/KL – HĐĐG

ngày 04/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ xác định chiếc xe máy HONDA Future biển số 49M1 – 000.97 có giá trị còn lại là 8.500.000đ.

Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Lê Anh N đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do bị cáo Lê Anh N đã có 02 tiền án nên thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173, đồng thời bị cáo 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp “có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 và tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 64.665.000đ thuộc trường hợp định khung hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó phải áp dụng các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo;

Bị cáo Lý Lâm Mạnh H với vai trò đồng phạm, đã trực tiếp mang xe đi tiêu thụ và cùng hưởng lợi nên đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Thành L biết rõ chiếc xe máy là do bị cáo N trộm cắp mà có, nhưng vì ham lợi nên bị cáo vẫn mua chiếc xe về mục đích sử dụng, bị cáo đã thay đổi dàn nhựa của xe, mài xóa số khung, máy, vứt bỏ biển số xuống sông nhằm tránh bị pháp hiện đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, trong thời gian ngắn đã thực hiện 7 lần trộm cắp tài sản của công dân, gây bất ổn, hoang mang trong nhân dân.

Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Trong vụ án bị cáo Lê Anh N là người trực tiếp thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản nên bị cáo N có vai trò quan trọng nhất và phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án.

Bị cáo Lý Lâm Mạnh H tuy không trực tiếp tham gia cùng bị cáo Lê Anh N trong các lần trộm cắp tài sản nhưng bị cáo Huy với vai trò giúp sức đã 04 lần mang xe máy do bị cáo N trộm cắp được đi bán, tuy bị cáo H chỉ 01 lần bán được xe và hưởng lợi 1.500.000 đồng, 03 lần còn lại không bán được là vì nguyên nhân khách quan. Với vai trò của bị cáo H là đồng phạm về tội trộm cắp tài sản nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao thứ hai trong vụ án.

Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thành L, bị cáo biết rõ chiếc xe máy là do bị cáo N trộm cắp mà có, nhưng vì ham lợi nên bị cáo vẫn mua chiếc xe về mục đích sử dụng nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao thứ 3 trong vụ án sau bị cáo H.

[4] Xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo Lê Anh N, Lý Lâm Mạnh H và Nguyễn Thành L là những người có nhân thân xấu.

Bị cáo Lê Anh N 7 lần thực hiện hành vi trộm cắp xe còn Lý Lâm Mạnh H 04 lần thực hiện đem xe do N trộm được đi bán, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo N và H. Còn bị cáo Nguyễn Thành L có 01 tiền án: Ngày 24/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 03 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo N, H, L khi lượng hình.

[5] Căn cứ vào tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, xem xét với nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử hình phạt tù đối với các bị cáo N, H, L, cần phải cách ly các ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình và mang tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo Lê Anh N đang phải chấp hành bản án số: Bản án số 66/2019/HSPT ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 03 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để Tổng hợp hình phạt đối với tội đang bị xét xử là đúng với quy định.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị hại:

- Anh Trịnh Văn C đã nhận lại tài sản và tại phiên tòa hôm nay anh C yêu cầu bị cáo L bồi thường chi phí sửa chữa xe là 9.000.000đ, bị cáo L đồng ý bồi thường. Xét thỏa thuận là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- Anh Nguyễn Ngọc N chưa nhận lại được tài sản nên yêu cầu bị cáo N bồi thường với số tiền 15.000.000đ và anh Phạm Quốc H chưa nhận lại tài sản bị mất nên yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 10.000.000đ. Bị cáo N đồng ý bồi thường. Xét thỏa thuận là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- Anh Nguyễn Thanh X, chị Lương Thị Huyền T, bà Hồ Thị Mỹ P và anh Nguyễn Ngọc P đều đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Tạ Thị T mua lại chiếc xe máy YAMAHA Jupiter biển số 49T2 – 5806 đứng tên chủ sở hữu Nguyễn Ngọc P với giá 2.800.000đ, chị T không biết chiếc xe do trộm cắp mà có và đã bị công an thu hồi chiếc xe. Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời yêu cầu bị cáo N phải trả lại số tiền 2.800.000đ, bị cáo N đồng ý nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

- Anh Nguyễn Duy L nhận cầm chiếc xe Yamaha Sirius biển số 49E1 – 139.81 đứng tên chủ sở hữu Nguyễn Thanh X với giá 4.000.000đ, khi nhận cầm xe anh L không biết tài sản do trộm cắp mà có, sau đó Công an huyện Đ đã thu hồi chiếc xe. Tại phiên tòa hôm nay anh L không yêu cầu bị cáo N, H hoàn lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Phan Trọng V đổi xe Sirius và 500.000đ để lấy chiếc xe HONDA Future biển số 49M1 – 000.97 bị cáo N trộm cắp của bà Hồ Thị Mỹ P. Thời điểm đổi xe anh V không biết chiếc xe bị cáo N trộm cắp. Hiện tại chiếc xe đã bị thu hồi để trả lại cho bà P. Tại phiên tòa hôm nay anh V có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 4.000.000đ. Xác định số tiền này do trực tiếp liên quan đến tội phạm mà có nên cần tịch thu xung công; bị cáo N hưởng lợi 2.500.000đ, bị cáo H hưởng lợi 1.500.000đ do đó cần buộc các bị cáo Lê Anh N và Lý Lâm Mạnh H phải nộp lại là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 máy mài; 02 mũi vam phá khóa; 04 chìa khóa xe máy; 01 con dao tự chế kích thước khoảng 40cm; 01 cục đá mài; 02 típ đầu 8; 01 típ đầu 10; 02 đầu mối; 01 kìm; 05 khóa hình lục giác bằng kim loại; 03 cây dũa mài dài khoảng 20 cm là công cụ, phương tiện để bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen dạng phím bấm đã qua sử dụng, bị cáo N sử dụng để liên lạc mua bán tài sản trộm cắp do đó cần tịch thu sung công là có căn cứ.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hải N không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cơ quan điều tra đã tách ra để xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo Lê Anh N bị Công an huyện Đ khởi tố vụ án ngày 17/02/2006, do bị can bỏ trốn, ngày 20/03/2006 Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã, đến ngày 30/01/2013 Cơ quan điều tra Công an huyện Đ ra quyết định đình nã. Đối với hành vi này của Lê Anh N chưa bị xử lý nên đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án còn có đối tượng tên Đỗ Quốc H, do Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên tiếp tục giao cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý bằng vụ án khác.

[10] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu án 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Anh N, Lý Lâm Mạnh H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ vào điểm b, c ,g khoản 2 Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Anh N 04 (bốn) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015 tổng hợp hình phạt 03 năm 04 tháng tù tại Bản án số 66/2019/HSPT ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Buộc bị cáo Lê Anh N phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/3/2019.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lý Lâm Mạnh H 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/4/2019.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành L 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án. Được trừ vào thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/03/2019 đến ngày 18/06/2019.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 2015.

Buộc bị cáo Lê Anh N phải nộp 2.500.000 đồng, bị cáo Lý Lâm Mạnh H phải nộp 1.500.000 đồng để Tịch thu nộp N sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Lê Anh N bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc N số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); anh Phạm Quốc H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) và bà Tạ Thị T số tiền 2.800.000đ (hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thành L bồi thường cho anh Trịnh Văn C số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ tịch thu tiêu hủy 01 máy mài; 02 mũi vam phá khóa; 04 chìa khóa xe máy; 01 con dao tự chế kích thước khoảng 40cm; 01 cục đá mài; 02 tít đầu 8; 01 tít đầu 10; 02 đầu mối; 01 kìm; 05 khóa hình lục giác bằng kim loại; 03 cây dũa mài dài khoảng 20 cm;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen dạng phím bấm;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Anh N, Lý Lâm Mạnh H và Nguyễn Thành L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lê Anh N phải chịu 1.390.000đ (một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng) và bị cáo Nguyễn Thành L phải chịu 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Trịnh Văn Hùng